

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày: 25 - 11 - 2020

*V/v Tranh chấp tài sản
chung sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường

+ *Các Thẩm phán:* Ông Bích Văn Nhiên, bà Lê Thị Thanh Thái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Bình Thuận.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*
Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 09/2020/TLPT-DS ngày 26/8/2020, về việc “Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐ-PT ngày 02/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐ-PT ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hứa Văn C, sinh ngày 20.11.1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1940

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Văn C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

- Ngân hàng A

Địa chỉ: Số X đường L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông C, bà H, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông Hứa Văn C trình bày: Ông và bà Võ Thị H kết hôn với nhau vào năm 1987.

Năm 1989, theo giới thiệu của bà Nguyễn Thị C là người cùng làm chung với bà H ở cửa hàng may mặc, vợ chồng ông có mua của ông Nguyễn Văn H 400m² tại khu phố 02, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận với giá 04 chỉ vàng y; do khi đó ông phải đi học xa nên ông giao cho bà H ở nhà làm thủ tục mua bán đất với ông H.

Cũng trong năm 1989 vợ chồng ông làm được nhà tạm trên diện tích đất này. Đến năm 1993, do nhà tạm hư hỏng nên vợ chồng ông làm lại nhà cấp 4, bồi bổ đất bằng phẳng và xây tường rào xung quanh đất.

Ông xác định toàn bộ tài sản nhà và đất tại thửa đất số 143 và thửa số 424 tờ bản đồ số 6 thuộc phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là tài sản chung của ông với bà H có được trong thời kỳ hôn nhân nên ông yêu cầu chia theo pháp luật và ông yêu cầu chia bằng hiện vật để ai cũng có chỗ ở.

Việc bà H căn cứ vào Giấy cho đất ngày 08/5/1989 của gia đình ông Nguyễn Văn H để cho rằng toàn bộ tài sản nhà và đất tại thửa đất số 143 và thửa số 424 tờ bản đồ số 6 thuộc phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết là tài sản riêng của bà H là không đúng; vì thời điểm năm 1989 Nhà nước không cho người dân mua bán đất, nên vợ chồng ông H đã làm giấy cho đất để hợp thức hóa, ông nghĩ vợ chồng ai đứng tên cũng được. Do đó, ông đề nghị hủy Giấy cho đất lập ngày 08/5/1989 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H cùng các con với bà H.

- Đối với yêu cầu phản tố của bà H yêu cầu chia tài sản ở Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận: Ông xác định không phải là tài sản chung của ông với bà H; nguồn gốc đất là do gia tộc ông để lại cho cha mẹ ông và các chú ông sử dụng trước giải phóng 1975; sau giải phóng do cha ông chết, nên mẹ ông và chú Hứa Văn A tiếp tục quản lý sử dụng. Đến khoảng năm 1978 thì bác họ của ông tên Bùi Văn B xin ở nhờ trên mảnh đất này, vì là bà con dòng họ, nên mẹ và chú ông đồng ý để cho ông B ở nhờ và trông coi đất, cho đến khi nào gia đình ông cần thì ông B sẽ giao lại đất. Sau khi bà nội di của ông tên Nguyễn Thị Ng (mẹ ruột của ông Bùi Văn B) qua đời, gia đình ông có yêu cầu ông B trả lại đất nhưng ông B không trả; nên ngày 12/02/1999 gia tộc có họp và yêu cầu ông Bùi Văn B phải trả lại đất cho mẹ ông nhưng ông B không chịu trả nên không ký biên bản.

Trên cơ sở cuộc họp gia tộc, mẹ và chú ông nhờ ban điều hành thôn làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất do ông đứng tên, do bận công tác nên ông không viết đơn mà để cho Ban điều hành thôn làm giúp. Đến cuối năm 2001 Ban điều hành thôn giao cho ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/4/2004 theo yêu cầu của mẹ ông đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này tại Quỹ Tín dụng Trung Ương (đường Hải Thượng Lãn Ông- thành phố Phan Thiết- tỉnh Bình Thuận) vay 30.000.000 đồng để hạ bình điện cho mẹ. Nhưng do bà H có tố cáo ông mạo danh chữ ký của bà để vay tiền ngân hàng, nên ông đã trả 30.000.000 đồng cho Quỹ tín dụng Trung ương. Để thuận tiện cho việc vay vốn Ngân hàng và tránh mọi rắc rối như bà H đã gây ra, nên ngày 20/7/2004 ông đã làm thủ tục trả lại quyền sử dụng đất cho mẹ ông. Đến đầu năm 2005, ông Bùi Văn B mới chịu dời nhà và giao lại đất cho mẹ ông.

- Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội, yêu cầu ông trả tiền nợ gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi đến nay: Ông xác định số tiền này ông vay để cho con học Đại học nên ông yêu cầu bà H cũng phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ này.

Bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

- Đối với việc ông C yêu cầu chia tài sản là 444,1m² đất tọa lạc khu phố 02, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết: Bà không đồng ý vì đây là tài sản riêng của bà được vợ chồng ông Nguyễn Văn H bà Dương Thị Cờ và 06 người con ký giấy cho đất ngày 08/5/1989 ước chừng khoảng 148,50m² và đã được UBND phường Bình Hưng chứng thực. Đến năm 1996 được chính quyền địa phương đo theo Nghị định 60 là 444,1m² với kích thước chiều rộng phía trước là 27,5m chiều rộng phía sau là 24,8m, chiều dài theo đường hẻm 16,7m chiều dài phía sau là 17,9m. Diện tích đo lại theo bản đồ Nghị định 69 được tư cận xác nhận và UBND phường Bình Hưng xác minh chứng thực ngày 10/12/2010, bà đã làm đầy đủ nghĩa vụ thuế từ năm 1992 đến nay.

Từ khi vợ chồng ông H và các con cho bà lô đất trên, không có bất cứ biến động nào như: Không mua thêm, không khai phá thêm, không ai cho tặng thêm, không lấn chiếm của ai và những hộ chung quanh cũng đều thừa nhận diện tích bà đang sử dụng là 444,1m² không ai thắc mắc khiếu nại gì.

Về tài sản chung của bà và anh C: Một căn nhà cấp 4 trên thửa đất 444,1m², xây dựng năm 1989 sửa chữa năm 2003 có diện tích 52,925m² (dài 7,25m x rộng 7,3m = 52,925m²).

- Bà yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông C là đất và tài sản trên đất tọa lạc tại thôn Đ, xã H, huyện B, gồm:

1/ Quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N937248 do UBND Huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/10/1999 đứng tên ông Hứa Văn C (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 4 xã Hàm Hiệp)

2/ Quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U204317 do UBND Huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 05/11/2001 đứng tên hộ ông Hứa Văn C (gồm thửa 424, tờ bản đồ số 3 và thửa 116, tờ bản đồ số 4 xã Hàm Hiệp).

3/ 402 trụ Thanh long trên thửa đất 424 và 1 phần thửa đất số 29 là do vợ chồng tôi trồng từ năm 2001.

4/ 01 giếng bi sâu 7,2 m.

5/ Hệ thống điện sinh hoạt.

Bà khẳng định 03 thửa đất và tài sản trên đất (trừ căn nhà cấp 4 trên thửa đất 400m²) là do vợ chồng bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, không liên quan gì đến bà Huỳnh Thị M và cũng không liên quan gì đến đất tộc ông C, nên bà yêu cầu chia tài sản chung này theo luật.

- Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội là nợ riêng của ông C, không liên quan gì đến bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:

Toàn bộ tài sản gồm nhà, đất, Thanh long và các công trình điện nước... mà bà H tranh chấp tại Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc: Đất là của gia tộc họ Hứa giao cho mẹ con bà sử dụng theo biên bản hợp gia tộc ngày 12/02/1999. Sau khi được gia tộc ủy quyền sử dụng và kê khai ruộng đất bà để cho ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian sau bà đã hoàn lại cho ông Bùi Văn B (là người được gia tộc cho mượn đất canh tác trước đó) số tiền là 20.000.000 đồng để ông B dọn nhà đi chỗ khác giao lại ruộng đất cho bà. Cũng trong năm 1999 bà đào giếng, kéo điện, xây nhà ở và trồng Thanh long cùng các cây ăn trái khác trên các thửa đất này từ đó cho đến nay. Tài sản này không liên quan gì đến bà Võ Thị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Đại diện Ngân hàng A trình bày:

Ông Hứa Văn C có vay 16.000.000 đồng theo Chương trình cho vay học sinh, sinh viên tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Thuận để cho con ông là sinh viên Hứa Minh Tiến học đại học tại trường Đại học Ngân Hàng thành phố Hồ Chí Minh, khóa học 2008-2012; theo Hợp đồng tín dụng số: 6000003900000430, thời hạn 84 tháng; đến hạn ông C không trả nợ. Tính đến ngày 26/6/2020 ông C còn nợ 26.978.791 đồng (trong đó: Nợ gốc là 16.000.000 đồng và 10.978.791 đồng lãi). Ngân hàng yêu cầu ông C trả nợ nói trên và lãi phát sinh sau ngày 26/6/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST, ngày 30/6/2020, Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết đã xử:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 33, Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 177, Điều 214, Điều 217, khoản 1 Điều 224 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn C

* *Về tài sản chung*: Xác định thửa đất số 143 và thửa số 424 tờ bản đồ số 6, có diện tích 298,7m², trên đất có căn nhà cấp 4C (kèm theo các công trình) diện tích xây dựng 58,2m², tỷ lệ sử dụng còn lại 40%, có tổng trị giá nhà đất là 2.889.081.000 đồng tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Hứa Văn C và bà Võ Thị H. Trừ 15,4m² đường đi chung (2,54m x 5,9m) còn lại 283,3m² chia tài sản chung.

Chia tài sản chung bằng hiện vật:

- Chia cho bà Võ Thị H sở hữu căn nhà cấp 4C có diện tích 58,2m² trị giá 74.496.000 đồng và 141,65m² đất trị giá 1.407.292.750 đồng (cộng với 148,5 m² đất tài sản riêng nên tổng diện tích đất bà H được quyền sử dụng là 290,15 m² đất). Vị trí như sau: Đông giáp đất ông Phạm Trọng Nam; Tây giáp đất ông Trần Thanh Hải; Nam giáp đất ông Huỳnh Quốc Huy; Bắc giáp đất chia cho ông C, tại Khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết (có sơ đồ vị trí kèm theo)

- Buộc bà Võ Thị H giao thêm cho ông Hứa Văn C 10,65 m² đất

- Chia cho ông Hứa Văn C được quyền sử dụng 141,65m² đất ở, trước đây ông đã nhận 131m² nay nhận thêm 10,65m² (0,44m x 24,25m) trị giá 1.407.292.750 đồng ở khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết. Vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông Phạm Trọng Nam; Tây giáp lối đi chung; Nam giáp phần đất chia cho bà H; Bắc giáp đất nhà bà Phùng Thị Ngọc Hoa (có sơ đồ vị trí đất kèm theo)

Phân hoàn về giá trị diện tích xây dựng chênh lệch:

Buộc bà Võ Thị H phải trả cho ông Hứa Văn C 37.248.000 đồng tiền chênh lệch giá trị nhà

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

+ Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Bà H và ông C thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

* Bác yêu cầu phân tố của bà Võ Thị H yêu cầu chia đôi số tài sản tại thôn Đ, xã H, huyện B gồm: Diện tích đất thổ cư 400m² trị giá 240.000.000 đồng; Diện tích trồng cây lâu năm 1.128,7m² trị giá 135.444.000 đồng; Diện tích đất màu 5.427,2 m² trị giá 596.992.000 đồng; 402 trụ thanh long trị giá 213.060.000 đồng; Giếng bi trị giá 2.088.000 đồng; Hệ thống điện trị giá 2.500.000 đồng.

* Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng A

Buộc ông Hứa Văn C phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng đến ngày 26/6/2020 là 26.978.791 đồng trong đó gốc là 16.000.000 đồng và nợ lãi là 10.978.791 đồng và số tiền lãi phát sinh sau ngày 26/6/2020 cho đến khi trả tất toàn nợ.

* Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị H phải hoàn trả cho ông Hứa Văn C 12.939.500 đồng do ông C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và Công ty Cổ phần đầu tư và thẩm định giá Đông Nam.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

+ Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

* Về án phí:

- Bà Võ Thị H phải nộp 55.636.222 đồng án phí nhưng được khấu trừ đi số tiền 3.492.500 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 001142 ngày 01/3/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà H phải nộp thêm 52.143.722 đồng án phí.

- Ông Hứa Văn C được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông C 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 009284 ngày 28/4/2008 của Chi cục Thi hành án thành phố Phan Thiết và 3.272.500 đồng tiền án phí dân sự, theo biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 0002070 ngày 17/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Ngày 17/7/2020, bà Võ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng bà đã có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 15/6/2020, lý do bà đang bị bệnh có xác nhận của Bác sỹ, nhưng Tòa án Phan Thiết vẫn xử là vi phạm thủ tục tố tụng. Về nội dung: thửa đất số 143, tờ bản đồ số 6 có tổng diện tích 444,1 m² đất là do bà được vợ chồng ông Nguyễn Văn H cùng các con ký giấy cho bà vào ngày 08/5/1989, nên đây là tài sản riêng của bà. Còn đối với tài sản tại thôn Đ, xã H, huyện B gồm: 400m² đất thổ cư, 1.128,7m² đất trồng cây lâu năm, 5.427,2 m² đất màu, 402 trụ Thanh long, 01 Giếng bi; Hệ thống điện là tài sản chung của bà và ông C, nên bà yêu cầu chia đôi. Về án phí: Do ông C là người đi kiện nên phải chịu toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Võ Thị H yêu cầu sửa án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C đối với 444,1 m² đất tại khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, vì đây là tài sản riêng của bà. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà, công nhận đất và tài sản trên đất tại thôn Đ, xã H, huyện B là tài sản chung của bà và ông C; Ông C phải chịu án phí.

- Ông Hứa Văn C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H, đề nghị xử như án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H, sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét việc bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng bà đã có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 15/6/2020, lý do bà đang bị bệnh có xác nhận của Bác sỹ nhưng Tòa án Phan Thiết vẫn xử là vi phạm thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/6/2020, khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa có mặt bà Võ Thị H, sau đó bà H có ý kiến: *Do sức khỏe không bảo đảm nên bà đề nghị hoãn phiên tòa. Trường hợp Tòa án không chấp*

nhận yêu cầu hoãn phiên tòa thì bà xin được vắng mặt tại phiên tòa. Sau đó bà H bỏ về và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Võ Thị H. Nên, việc bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng bà đã có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng Tòa án Phan Thiết vẫn xử là không có căn cứ.

[2] Về sự tham gia tố tụng: Khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, thì các Giấy CNQSD đất do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp cho hộ ông Hứa Văn C đã bị UBND huyện Hàm Thuận thu hồi khi thực hiện việc chuyển nhượng đất giữa ông C với cụ M. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ là 2 con ông C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[II] Về nội dung:

[1] Xét, việc bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 6 có tổng diện tích 444,1 m² tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là tài sản bà được vợ chồng ông Nguyễn Văn H cùng các con ký giấy cho bà vào ngày 08/5/1989, nên đây là tài sản riêng của bà;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Ông Hứa Văn C và bà Võ Thị H kết hôn với nhau vào năm 1987.
- Ngày 08/5/1989 cụ Nguyễn Văn H cùng vợ là cụ Dương Thị C và 06 người con là ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L ký “Giấy cho đất”; theo đó vợ chồng cụ H cùng các con cho bà Võ Thị H 148,50m² đất tại dân phố 5, phường Bình Hưng, thị xã Phan Thiết (nay là TP. Phan Thiết).

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh lấy lời khai con của cụ H, thì:

- + Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2019 (BL: 377, 378) ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959, là con của cụ H khai như sau:

“Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông Hứa Văn C và bà Võ Thị H tại khu phố 2, phường Bình Hưng là của cha mẹ tôi cho tôi. Sau đó do hoàn C kinh tế khó khăn nên tôi có nói với chị tôi bà Nguyễn Thị C là tôi muốn bán đất, lúc đó chị tôi và bà H cùng làm chung với nhau tại cửa hàng may mặc, nên sau đó ông C và bà H có đến gặp tôi đặt vấn đề mua đất. Ngày 08/5/1989 tôi có viết “giấy cho đất” theo đó cha mẹ tôi (ông Nguyễn Văn H) cho bà H thửa đất trên, thực tế, lúc đó cha mẹ tôi đã cho tôi thửa đất này, việc mua bán là của tôi và ông C bà H nhưng vì giấy tờ vẫn thể hiện của cha mẹ tôi nên giấy ghi là cho nhưng thực tế là mua bán, chuyển nhượng. Vì thời điểm đó nhà nước nghiêm cấm mua bán đất nên chúng tôi mới không làm giấy mua bán mà làm giấy cho để hợp thức hóa...

Quá trình mua bán, khi giao nhận vàng có cả ông C và bà H cùng giao cho tôi 04 chỉ vàng tại nhà cha mẹ tôi (3 chỉ vàng khâu và đôi bông tai).

Như vậy, phần đất tranh chấp trong vụ án là do tôi bán cho vợ chồng ông C,

bà H. Tôi xác định không cho bà H đất, bà H cũng không có quan hệ họ hàng thân thiết với gia đình chúng tôi mà chỉ là bạn cùng làm với chị gái tôi”

+ Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2019 (BL: 376) bà Nguyễn Thị C sinh năm 1957; Biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 (BL: 376) bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1961, là những người con của cụ H khai và đều xác nhận: *Phần đất hiện ông C và bà H đang tranh chấp, là của cha mẹ đã cho ông Nguyễn Văn H và ông H đã bán cho ông C và bà H, chứ không phải cha mẹ ông bà cho bà H.*

- Xét lời khai của những người làm chứng là các con cụ H, cụ Cờ đã khai ở trên là có căn cứ, vì: Thời điểm năm 1989, khi đó Luật Đất đai 1987 đang còn hiệu lực, tại Điều 5 Luật Đất đai 1987 quy định: “*Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn chiếm đất đai...*”; Hơn nữa, giữa bà H với gia đình cụ H không có quan hệ bà con gì.

Nên, việc vợ chồng cụ H cùng các con làm giấy cho bà H đất cũng chỉ là hình thức, thực chất là việc mua bán đất.

- Sau khi có “Giấy cho đất” nêu trên, từ đó cho đến nay bà H không làm thủ tục sang tên để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho cá nhân bà. Trong khi tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông C, khi đó hai người mới lấy nhau được 02 năm, nên theo quy định của Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì diện tích đất này được coi là tài sản chung của vợ chồng bà H ông C.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong tích 447,20m² đất tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận có 148,50m² đất mua của vợ chồng cụ H là tài sản riêng của bà H là không có căn cứ, có lợi cho bà H. Nhưng do ông C không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên như án sơ thẩm như đề nghị của ông C và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Còn đối với diện tích 298,7m² Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản do ông C san lấp ao và khai khẩn thêm được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của bà H và ông C, là có căn cứ.

- Do đó, việc bà H kháng cáo cho rằng toàn bộ 444,1m² (đo đạc thực tế là 447,20m² đất) tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là tài sản riêng của bà, là không có căn cứ.

[2] Xét, việc bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng toàn bộ tài sản tại thôn Đ, xã H, huyện B gồm: 400m² đất thổ cư , 1.128,7m² đất trồng cây lâu năm, 5.427,2 m² đất màu, 402 trụ Thanh long, 01 Giếng bi; Hệ thống điện là tài sản chung của bà và ông C, nên bà yêu cầu chia đôi;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thu thập chứng cứ tại Cơ quan quản lý Nhà nước về Đất đai của huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất này; thì:

Tại văn số 1142/UBND-NC, ngày 08/5/2017 UBND huyện Hàm Thuận Bắc xác định: *Nguồn gốc đất trước đây là của bà Nguyễn Thị Tuất (bà nội ruột của ông C). Sau giải phóng năm 1975, bà Huỳnh Thị M (mẹ ruột ông Hứa Văn C) và ông Hứa Văn An (chủ ruột ông C) cùng sử dụng để trồng cây hằng năm. Đến năm 1980 là do ông Bùi Văn B, bác họ của ông C canh tác, sử dụng số diện tích đất trên để làm nhà ở và trồng cây lâu năm.*

Ngày 12/02/1999, Hội đồng gia tộc của ông C họp thống nhất yêu cầu ông Bùi Văn B giao trả lại đất cho bà Huỳnh Thị M sử dụng, vì diện tích đất trên là của bà nội ông C để lại và bà M là người được hưởng thừa kế, nhưng bà M đã tạm thời giao cho con ông Hứa Văn C đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất. Sau cuộc họp gia tộc, ông B đã đồng ý cho bà M, ông C trồng thanh long trên thửa đất số 29, diện tích 4.052m² (BL: 79)

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác minh thu thập chứng cứ đối với những người là thành viên gia tộc là: Bà Ngô Thị N, bà Bùi Thị B, ông Hứa Văn A đều xác nhận diện tích đất tranh chấp gia tộc đã họp thống nhất giao cho ông C, bà M quản lý, sử dụng, đăng ký kê khai, không được chuyển nhượng và phải sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, như Biên bản họp Hội đồng gia tộc ngày 12/02/1999 đã thể hiện; Biên bản này có sự xác nhận của Ban điều hành thôn Đại Lộc và UBND xã Hàm Hiệp đã xác nhận *các chữ ký của Ban điều hành thôn Đại Lộc xã Hàm Hiệp đã ký vào biên bản họp hội đồng gia tộc này là đúng.*

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, khi được hỏi về nguồn gốc đất tại xã Hàm Hiệp từ đâu mà bà H và ông C có được, thì bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh, mà bà chỉ căn cứ vào 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N937248 cấp ngày 17/10/1999 đứng tên ông Hứa Văn C và số U 204317 cấp ngày 5/11/2001 đứng tên hộ ông Hứa Văn C đã được UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp để cho rằng đất tranh chấp là tài sản chung của bà và ông C;

[2.4] Nhưng theo UBND huyện Hàm Thuận Bắc xác định việc cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N937248 cấp ngày 17/10/1999 đứng tên ông Hứa Văn C và số U 204317 cấp ngày 5/11/2001 đứng tên hộ ông Hứa Văn C là cấp không đúng đối tượng và không đúng theo quy định của Luật Đất đai; nên ngày 02/11/2012 UBND huyện Hàm Thuận Bắc có Quyết định số 3758/QĐ-UBND hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 23/8/2016 UBND huyện Hàm Thuận Bắc có Quyết định số 5084/QĐ-UBND hủy Quyết định số 3758. Nhưng đến Bản án hành chính sơ thẩm số 24 ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật xác định 02 Giấy chứng nhận này đã bị UBND huyện Hàm Thuận Bắc thu hồi khi thực hiện việc chuyển nhượng đất giữa ông C với bà M. Do đó, 02 Giấy chứng nhận mà UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp cho ông C vào năm 1999 và hộ ông C vào năm 2001 không còn giá trị pháp lý.

[2.5] Nên, việc bà Võ Thị H kháng cáo cho rằng 400m² đất thổ cư , 1.128,7m² đất trồng cây lâu năm, 5.427,2 m² đất màu tại Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận là tài sản chung của bà và ông C, là không có căn cứ pháp luật.

[2.6] Đối với tài sản là 402 trụ Thanh long, Giếng bi và hệ thống điện trên đất tranh chấp, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Như đã phân tích và viện dẫn ở trên, theo nội dung Biên bản họp Gia tộc của ông C ngày 12/02/1999, thì cụ Huỳnh Thị M (mẹ ông C) là người được thừa kế sử dụng đất tại Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận để tạo hoa lợi thờ cúng ông bà.

- Theo cụ Huỳnh Thị M khai (BL: 95 – Tập III): *Sau khi ông Bùi Văn B trả đất năm 1999, cụ là người quản lý, sử dụng đất này; trong quá trình sử dụng đất này cụ có nhờ con trai là ông C thế chấp Sổ đỏ vay vốn Ngân hàng... Đến năm 2008, cụ mới vay được tiền và hạ Bình điện trên 100 triệu đồng... Toàn bộ Thanh long và cây trồng trên đất là của cụ, chứ không phải của vợ chồng bà H...*

- Căn cứ vào hồ sơ cấp điện của Điện lực Bình Thuận vào năm 2008, thì cụ Huỳnh Thị M là người đứng tên của đường dây và Trạm biến áp 50 KVA tại Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (BL: 50, 51, 52, 53,54 – Tập V).

- Trong quá trình tham gia tố tụng bà H có cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh 402 trụ Thanh long, Giếng bi và hệ thống điện trên đất tranh chấp tại xã Hàm Hiệp là tài sản chung của bà và ông C; cụ thể là chứng cứ:

- + “Đơn xác nhận” đề ngày 15/01/2008 (BL: 81 tập III) của bà Võ Thị Tám, ở thôn Đ, xã H, huyện B; theo đó bà Tám xác nhận năm 2001 bà H có thuê gia đình bà chở cát để đúc trụ Thanh Long, đúc bi và hạ trụ Thanh Long trên mảnh vườn của vợ chồng cháu H tại xóm 1, thôn Đại Lộc, xã Hàm Hiệp. Nhưng đơn này không phải do bà Tám viết mà được đánh máy sẵn, trong đơn không thể hiện bà Tám sinh ngày, tháng năm nào, cuối đơn phần chữ ký là dấu thập; như vậy chứng tỏ bà Tám là người không biết chữ; Đơn này không có người làm chứng, không được chính quyền địa phương xác nhận. Nên chứng cứ này không đủ căn cứ minh trụ Thanh long và Giếng trên đất tranh chấp là tài sản chung của bà H, ông C.

- + Giấy đề ngày 10/3/2001 của VLXD Tấn Hằng (BL: 80 tập III), theo đó bà Mỹ Hằng xác nhận có bán cho bà H 01 số vật liệu như sắt, xi măng, đá 1.2 với số tiền 11.840.000 đồng. Nhưng giấy này không thể hiện địa chỉ VLXD Tấn Hằng ở đâu; thời điểm VLXD Tấn Hằng bán hàng cho bà H thời gian nào; cá nhân bà Mỹ Hằng hay Doanh nghiệp VLXD Tấn Hằng, nếu là Doanh nghiệp thì phải xuất hóa đơn bán hàng mới có giá trị pháp lý. Do đó, với tài liệu này không đủ căn cứ chứng minh trụ Thanh long và Giếng trên đất tranh chấp là tài sản chung của bà H, ông C.

- + “Giấy xác nhận” đề ngày 10/6/2001 (BL: 78 tập III) của ông Nguyễn Viết Sơn, sinh năm 1986 trú tại thôn Phú Mỹ, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xác nhận: Tháng 3/2001 có nhận đúc bi để làm 01 cái giếng cho vợ chồng bà Võ Thị H tại xã Hàm Mỹ. Như vậy, theo giấy xác nhận này thì thời

điểm ông Sơn làm bi giếng cho bà H, khi đó ông Sơn mới 15 tuổi, là người chưa thành niên; trong khi đơn này không được chính quyền địa phương xác nhận. Nên với chứng cứ này cũng không đủ căn cứ chứng minh Giếng nước trên đất tranh chấp là tài chung của bà H, ông C.

- Trong khi, theo “Đơn xin xác nhận tài sản gắn liền với đất” (BL: 366 Tập V) do cụ bà Huỳnh Thị M lập tháng 10 năm 2018 có 06 người làm chứng ký xác nhận, được Ban Điều hành thôn Đại Lộc và UBND xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc xác nhận; theo đó cụ M xác định: *Trên diện tích 7000 m² ở thôn Đại Lộc và UBND xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, vào năm 1999 cụ có trồng 309 trụ Thanh Long, đến năm 2005 trồng 280 trụ, năm 2008 trồng 186 trụ Thanh Long. Toàn bộ Thanh long nêu trên là của các nhân cụ, do cụ đầu tư vốn và quản lý từ năm 1999 đến nay.*

- Nên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định 402 trụ Thanh long, Giếng nước và hệ thống điện trên đất tranh chấp tại thôn Đ, xã H, huyện B không phải là tài sản chung của bà H và ông C, là có căn cứ.

[3] Xét, việc bà H kháng cáo cho rằng ông C là người đi kiện, nên ông C phải chịu toàn bộ án phí; hội đồng xét xử xét thấy:

- Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, như sau:

“ 1. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm;

2. Trường hợp các đương sự không tự xác định được phần tài sản của mình trong khối tài sản chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đó thì mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được hưởng.”

Bà Võ Thị H không thuộc diện được miễn án phí. Nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Võ Thị H phải chịu án phí là có căn cứ pháp luật.

- Còn đối với ông Hứa Văn C, theo Chứng minh nhân dân số 260875647 do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 11/3/2016 thì ông C sinh ngày 10-11-1960. Ngày 30-6-2020 Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết xét xử sơ thẩm, khi đó ông C chưa đủ 60 tuổi nên không được coi là người cao tuổi, không thuộc diện được miễn án phí. Do đó, kháng cáo của bà H về phần này là có căn cứ pháp luật.

[4] Đối với khoản nợ Ngân hàng, theo Đại diện Ngân hàng A, thì khoản nợ ông C vay theo Chương trình cho vay học sinh, sinh viên tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh Bình Thuận để cho con ông là sinh viên Hứa Minh Tiến học đại học tại trường Đại học Ngân Hàng thành phố Hồ Chí Minh, khóa học 2008-2012. Trong khi Hứa Minh Tiến là con chung của ông C, bà H; theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha mẹ có nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng con chung. Nên về nguyên tắc ông C, bà H đều phải có trách nhiệm đối với khoản nợ này; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc một mình ông C trả khoản nợ này là đã có lợi cho bà H. Sau khi xét xử sơ thẩm ông C không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Nên

hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của ông C và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[5] Đối với các nội dung khác, như: Chia tài sản chung bằng hiện vật, hoàn chệnh lệch tài sản là có căn cứ. Nên hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H. Sửa 01 phần Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết về phần án phí.

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 92, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 177, Điều 214, Điều 217, khoản 1 Điều 224 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn C

** Về tài sản chung:*

Xác định thửa đất số 143 và thửa số 424 tờ bản đồ số 6, có diện tích 298,7 m², trên đất có căn nhà cấp 4C (kèm theo các công trình) diện tích xây dựng 58,2m², tỷ lệ sử dụng còn lại 40%, có tổng trị giá nhà đất là 2.889.081.000 đồng tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là tài sản thuộc sở hữu chung của ông Hứa Văn C và bà Võ Thị H. Trừ 15,4m² đường đi chung (2,54m x 5,9m) còn lại 283,3m² chia tài sản chung.

** Chia tài sản chung bằng hiện vật:*

- Chia cho bà Võ Thị H sở hữu căn nhà cấp 4C có diện tích 58,2m² trị giá 74.496.000 đồng và 141,65m² đất trị giá 1.407.292.750 đồng (cộng với 148,5 m² đất tài sản riêng nên tổng diện tích đất bà H được quyền sử dụng là 290,15 m² đất). Vị trí như sau: Đông giáp đất ông Phạm Trọng Nam; Tây giáp đất ông Trần Thanh H; Nam giáp đất ông Huỳnh Quốc H; Bắc giáp đất chia cho ông C, tại Khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết (có sơ đồ vị trí kèm theo)

- Chia cho ông Hứa Văn C được quyền sử dụng 141,65m² đất ở, trước đây ông đã nhận 131m² nay nhận thêm 10,65m² (0,44m x 24,25m) trị giá

1.407.292.750 đồng ở khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết. Vị trí như sau: Phía Đông giáp đất ông Phạm Trọng Nam; Tây giáp lối đi chung; Nam giáp phần đất chia cho bà H; Bắc giáp đất nhà bà Phùng Thị Ngọc Hoa (có sơ đồ vị trí đất kèm theo)

- Buộc bà Võ Thị H giao thêm cho ông Hứa Văn C 10,65 m² đất tại Khu phố 2, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết.

** Phân hoàn về giá trị diện tích xây dựng chênh lệch:*

Buộc bà Võ Thị H phải trả cho ông Hứa Văn C 37.248.000 đồng tiền chênh lệch giá trị nhà.

Bà H và ông C thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2.2. Bác yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H yêu cầu chia đôi số tài sản tại thôn Đ, xã H, huyện B gồm: Diện tích đất thổ cư 400m² trị giá 240.000.000 đồng; Diện tích trồng cây lâu năm 1.128,7m² trị giá 135.444.000 đồng; Diện tích đất màu 5.427,2 m² trị giá 596.992.000 đồng; 402 trụ thanh long trị giá 213.060.000 đồng; Giếng bi trị giá 2.088.000 đồng; Hệ thống điện trị giá 2.500.000 đồng.

2.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng A: Buộc ông Hứa Văn C phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng đến ngày 26/6/2020 là 26.978.791 đồng trong đó gốc là 16.000.000 đồng và nợ lãi là 10.978.791 đồng và số tiền lãi phát sinh sau ngày 26/6/2020 cho đến khi trả tất toán nợ.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị H phải hoàn trả cho ông Hứa Văn C 12.939.500 đồng do ông C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và Công ty Cổ phần đầu tư và thẩm định giá Đông Nam.

- Về án phí:

+ Bà Võ Thị H phải nộp 55.636.222 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 3.492.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 001142 ngày 01/3/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà H còn phải nộp 52.143.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Hứa Văn C phải nộp 55.556.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 6.272.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 009284 ngày 28/4/2008 và số 0002070 ngày 17/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông C còn phải nộp 49.294.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007755 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25.11.2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án); kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, (Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm. Trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm); trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Cường